**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **% tổng**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **TN** | **TL** |
| **1** | Phòng, trị bệnh cho vật nuôi | 1.1. Vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi | 1 |  | 2 |  |  |  |  |  | 8 tn  1 đs | 0 |  | **30** |
| 1.2. Một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi | 1 |  | 2 |  | 1đs |  |  |  |
| 1.3. Ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  |
| **2** | Công nghệ chăn nuôi | 2.1. Chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi | 1 |  | 1 |  |  |  | 1tl |  | 9tn  1đs | 2 tl |  | **62,5** |
| 2.2. Quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi phổ biến. | 1 |  | 2 |  |  |  |  |  |
| 2.3. Chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. | 1đs |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.4. Chăn nuôi công nghệ cao | 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.5. Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi. | 1 |  | 2 |  | 1tl |  |  |  |
| **3** | Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi | 3.1. Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường trong chăn nuôi | 1 |  | 2 |  |  |  |  |  | 3 tn | 0 |  | **7,5** |
| **Tổng** | |  | **8tn**  **1đs** |  | **12tn** |  | **1đs**  **1tl** |  | **1tl** |  | **20tn**  **2đs** | **2tl** |  | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | |  | **30** | | **30** | | **20** | | **20** | |  |  |  |  |
| **Tỉ lệ chung (%)** | |  | **60** | | | | **40** | | | |  | |  |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng**  **cần kiểm tra** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | Phòng, trị bệnh cho vật nuôi | 1.1. Vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi | **Nhận biết:**  - Trình bày được khái niệm, tác hại của bệnh trong chăn nuôi. (Câu 1)  **Thông hiểu:**  - Phân tích được tác hại của bệnh trong chăn nuôi. (Câu 2)  - Giải thích được ý nghĩa của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi. (Câu 3) | **1** | **2** |  |  |
| 1.2. Một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi | **Nhận biết:**  - Kể tên được một số bệnh phổ biến ở một số vật nuôi phổ biến. (Câu 4)  **Thông hiểu:**  - Phân biệt được các đặc điểm cơ bản của một số bệnh phổ biến trên vật nuôi (Câu 5)  - Tóm tắt được một số biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi. (Câu 6)  **Vận dụng**  - Lựa chọn được biện pháp phòng, trị bệnh phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến ở gia đình, địa phương. (Câu 1 đs) | **1** | **2** | **1đs** |  |
| 1.3. Ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi | **Nhận biết:**  - Nêu được ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. (Câu 7)  **Thông hiểu:**  - Phân tích được ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. (Câu 8) | **1** | **1** |  |  |
| **2** | Công nghệ chăn nuôi | 2.1. Chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi | **Nhận biết:**  - Nêu được khái niệm chuồng nuôi. (Câu 9)  **Thông hiểu**  - Giải thích được những yêu cầu chung của chuồng nuôi. (Câu 10)  **Vận dụng cao**  - Thực hiện được việc thiết kế kiểu chuồng nuôi phù hợp cho một loại vật nuôi phổ biến ở gia đình, địa phương. (Câu 1 tl) | **1** | **1** |  | **1tl** |
| 2.2. Quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi phổ biến. | **Nhận biết:**  - Nêu được một số yêu cầu cơ bản về thức ăn đối với các loại vật nuôi phổ biến. (Câu 11)  **Thông hiểu**  - Tóm tắt được quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc một số loại vật nuôi phổ biến (gà, lợn, bò,…). (Câu 12)  - Phân tích được một số yêu cầu cơ bản về thức ăn đối với các loại vật nuôi phổ biến. (Câu 13) | **1** | **2** |  |  |
| 2.3. Chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. | **Nhận biết:**  - Nêu được nội dung các bước trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. (Câu 2 đs) | **1 đs** |  |  |  |
| 2.4. Chăn nuôi công nghệ cao | **Nhận biết:**  - Nêu được khái niệm chăn nuôi công nghệ cao. (Câu 14) | **1** |  |  |  |
| 2.5. Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi. | **Nhận biết:**  - Nêu được ý nghĩa của việc bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi. (Câu 15)  **Thông hiểu**  - Tóm tắt được một số phương pháp phổ biến trong chế biến sản phẩm chăn nuôi. (Câu 16)  - So sánh được các phương pháp phổ biến trong bảo quản sản phẩm chăn nuôi. (Câu 17)  **Vận dụng:**  - Đề xuất được phương pháp bảo quản, chế biến phù hợp cho một sản phẩm chăn nuôi phổ biến ở gia đình, địa phương. (Câu 2 tl) | **1** | **2** | **1tl** |  |
| **3** | Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi | 3.1. Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường trong chăn nuôi | **Nhận biết:**  - Nêu được ứng dụng của công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường chăn nuôi. (Câu 18)  **Thông hiểu:**  - Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. (Câu 19)  - Mô tả được một số biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi. (Câu 20) | **1** | **2** |  |  |
| **Tổng số câu** | | | | **16** | **12** | **2** | **1** |

**C. ĐỀ KIỂM TRA THEO MA TRẬN**

**ĐỀ CHÍNH THỨC**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn. (5 điểm)**

**Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 1 phương án.**

**Câu 1.** Phát biểu nào dưới đây **không** **đúng** khi nói về bệnh ở chăn nuôi?

A. Bệnh là trạng thái không bình thường của vật nuôi.

B. Khi vật nuôi bị bệnh thường có các biểu hiện: buồn bã, chậm chặp, chán ăn,…

C. Bệnh không ảnh hưởng đến sự sinh trưởng, phát triển của vật nuôi, bệnh nặng có thể gây chết.

D. Nguyên nhân gây bệnh do di truyền, rối loạn trao đổi chất hoặc do vi sinh vật gây bệnh, tác động của điều kiện sống,…

**Câu 2.** Bệnh ở vật nuôi sẽ gây thiệt hại kinh tế cho người chăn nuôi bởi những nguyên nhân nào dưới đây?

1- Bệnh làm cho vật nuôi chậm lớn, làm giảm sản lượng sản phẩm chăn nuôi.

2- Tiêu tốn chi phí chữa bệnh cho vật nuôi, khử trùng chuồng trại.

3- Bệnh ở vật nuôi khi xảy ra sẽ gây chết toàn bộ đàn vật nuôi.

4- Bệnh làm giảm chất lượng sản phẩm chăn nuôi, bán với giá thấp.

A. 1, 2, 3.

B. 2, 3, 4.

C. 1, 2, 4.

D. 1, 3, 4.

**Câu 3.** Tại sao phòng, trị bệnh cho vật nuôi góp phần bảo vệ sức khỏe con người?

A. Bệnh ở vật nuôi có thể lan truyền sang người nhưng không gây nguy hiểm cho người.

B. Bệnh ở vật nuôikhông thể lây truyền sang người.

C. Bệnh ở vật nuôikhông gây bệnh ở người.

D. Bệnh ở vật nuôicó thể lan truyền sang người và gây tử vong.

**Câu 4.** Ở gia cầm thường mắc những bệnh nào?

A. Bệnh Newcastle, bệnh cúm, bệnh tụ huyết trùng.

B. Bệnh Newcastle, bệnh cúm, tai xanh.

C. Bệnh Newcastle, bệnh tụ huyết trùng, tai xanh.

D. Bệnh cúm, bệnh tụ huyết trùng, tai xanh.

**Câu 5.** Điểm khác nhau giữa bệnh Newcastle với bệnh cúm ở gia cầm là gì?

A. Bệnh truyền nhiễm cấp tính.

B. Lây lan nhanh, tỉ lệ chết cao.

C. Xảy ra ở mọi lứa tuổi.

D. Tác nhân gây bệnh.

**Câu 6.** Trong các biện pháp dưới đây, có bao nhiêu biện pháp là phòng bệnh tụ huyết trùng ở lợn?

(1) Cho lợn sử dụng các chế phẩm có tác dụng tăng sức đề kháng.

(2) Giữ chuồng trại khô thoáng, lưu thông không khí.

(3) Thực hiện biện pháp chăn nuôi cùng vào - cùng ra.

(4) Sử dụng kháng sinh kết hợp với thuốc trị triệu chứng.

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

**Câu 7.** Kỹ thuật PCR - điện di PCR dùng trong chăn nuôi nhằm mục đích gì?

A. Phòng bệnh cho vật nuôi.

B. Trị bệnh cho vật nuôi.

C. Phòng và trị bệnh cho vật nuôi.

D. Phát hiện bệnh sớm.

**Câu 8.** Phát biểu nào dưới đây **không đúng** khi nói về ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine DNA tái tổ hợp trong để phòng bệnh cho vật nuôi?

A. Tiết kiệm chi phí chăn nuôi.

B. Phòng bệnh cho vật nuôi một cách an toàn.

C. Đáp ứng đủ vacccine cho vật nuôi.

D. Trị bệnh cho vật nuôi một cách hiệu quả.

**Câu 9.** “nhà ở” của vật nuôi và là nơi tạo ra tiểu khí hậu để vật nuôi sống và sản xuất được gọi là

A. Chuồng nuôi.

B. Đồng cỏ.

C. Ao nuôi.

D. Con sông.

**Câu 10.** Phát biểu nào dưới đây **không đúng** khi nói về các yêu cầu chung về chuồng nuôi?

A. Chuồng nuôi xây dựng theo hướng nam hoặc đông nam để đón gió mát và ánh nắng mặt trời buổi sáng.

B. Chuồng nuôi được xây dựng xa khu dân cư, xa đường giao thông để tiện cho việc quản lí.

C. Chuồng nuôi xây dựng có độ dốc vừa phải để dễ thoát nước.

D. Chuồng nuôi cần được thiết kế phù hợp với đặc điểm sinh lí vật nuôi giúp thuận lợi cho việc chăm sóc, quản lí và nuôi dưỡng.

**Câu 11.** Thức ăn cho gà đẻ trứng phải đầy đầy đủ dinh dưỡng, trong đó

A. chỉ cần đảm bảo đủ hàm lượng calcium.

B. chỉ cần đảm bảo hàm đủ hàm lượng protein.

C. cần đảm bảo đủ hàm lượng protein hoặc đủ hàm lượng calcium.

D. phải đảm bảo đủ hàm lượng protein và đủ hàm lượng calcium.

**Câu 12.** Quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc gà đẻ trứng gồm các bước theo trình tự:

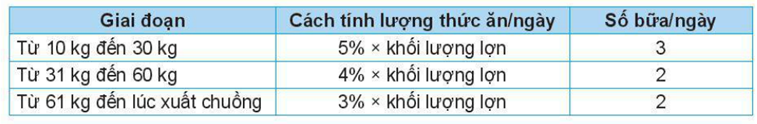
A. Cho ăn 🡪 Chuẩn bị chuồng nuôi 🡪 Chăm sóc 🡪 Thu hoạch trứng.

B. Chuẩn bị chuồng nuôi 🡪 Cho ăn 🡪 Chăm sóc 🡪 Thu hoạch trứng.

C. Chuẩn bị chuồng nuôi 🡪 Chăm sóc 🡪 Cho ăn 🡪 Thu hoạch trứng.

D. Chuẩn bị chuồng nuôi 🡪 Thu hoạch trứng 🡪 Chăm sóc 🡪 Cho ăn.

**Câu 13.** Bảng bên dưới thể hiện cách tính lượng thức ăn cho lợn thịt căn cứ vào khối lượng vật nuôi. Phát biểu nào dưới đây đúng?



A. Lợn 20kg cho ăn 3 bữa/ngày.

B. Lợn 60kg cho ăn 1,8 kg thức ăn trong 1 bữa.

C. Lợn trên 60kg cho ăn 3 bữa/ngày.

D. Lợn 26kg cho ăn 3kg thức ăn trong 1 ngày.

**Câu 14.** Chăn nuôi kết hợp nhiều công nghệ hiện đại, tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi, giải phóng sức lao động cho người chăn nuôi và giảm thiểu tác động đến môi trường là mô hình chăn nuôi

A. công nghệ cao.

B. chăn nuôi VietGAP

C. chăn nuôi thông thường.

D. chăn nuôi hữu cơ.

**Câu 15.** Đâu không phải là vai trò bảo quản sản phẩm chăn nuôi?

A. Nâng cao hiệu quả sử dụng sản phẩm.

B. Tăng khả năng xuất khẩu, mở rộng thị trường.

C. Tăng năng lực cho ngành chế biến.

D. Tăng giá cả khi thị trường thiếu hụt.

**Câu 16.** Dưới đây là các bước tiến hành trong quy trình chế biến thịt hộp:

(1) Cho nguyên liệu đã chín vào hộp, bài khí, ghép mí.

(2) Làm sạch, tách da, bỏ xương, làm nhỏ; bổ sung phụ gia và gia vị.

(3) Hạ nhiệt độ xuống khoảng 18 – 20oC, dán nhãn, đóng thùng và bảo quản.

(4) Xử lí hộp bằng nhiệt độ khoảng 100 - 121oC trong khoảng 15 phút.

(5) Làm chín nguyên liệu bằng các biện pháp phù hợp.

Trình tự đúng các bước là

A. (1) 🡪 (2) 🡪 (3) 🡪 (4) 🡪 (5).

B. (1) 🡪 (2) 🡪 (5) 🡪 (4) 🡪 (3).

C. (2) 🡪 (5) 🡪 (1) 🡪 (4) 🡪 (3).

D. (2) 🡪 (5) 🡪 (3) 🡪 (4) 🡪 (1).

**Câu 17.** Trong quy trình thanh trùng sữa tươi, khoảng nhiệt độ và thời gian phù hợp để tiến hành thanh trùng là bao nhiêu?

A. Nhiệt độ từ 70 🡪 75oC, thời gian 15 🡪 20 giây.

B. Nhiệt độ từ 125 🡪 140oC, thời gian 3 🡪 20 giây.

C. Nhiệt độ từ 70 🡪 75oC, thời gian 3 🡪 20 giây.

D. Nhiệt độ từ 125 🡪 140oC, thời gian 15 🡪 20 giây.

Câu 18. Dưới đây là các công nghệ giúp bảo vệ môi trường trong chăn nuôi, có bao nhiêu công nghệ là ứng dụng công nghệ sinh học?

(1) Công nghệ biogas xử lí chất thải chăn nuôi.

(2) Công nghệ đệm lót sinh học.

(3) Công nghệ thu gom chất thải tự động.

(4) Công nghệ chăn nuôi chuồng lạnh.

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

**Câu 19.** Phát biểu nào dưới đây **không đúng** khi nói về vấn đề ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi?

A. Chất thải chăn nuôi và xác vật nuôi chứa các sinh vật gây hại, ion kim loại nặng và chất độc gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người và vật nuôi.

B. Chất thải chăn nuôi và xác vật nuôi sinh ra các khí độc gây hiệu ứng nhà kính.

C. Chất thải chăn nuôi và xác vật nuôi gây ô nhiễm môi trường, làm chết nhiều sịnh vật, gây mất cân bằng sinh thái.

D. Chất thải chăn nuôi và xác vật nuôi gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, là điều kiện thuận lợi cho các vi sinh vật có lợi phát triển.

**Câu 20.** Biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi là

1- Xây dựng chuồng trại ở khu dân cư.

2- Chuồng trại có hàng rào ngăn cách với bên ngoài.

3- Xây dựng hệ thống xử lí chất thải cách biệt với chuồng nuôi.

4- Chăn nuôi với mật độ phù hợp.

A. 1, 2, 3.

B. 1, 2, 4.

C. 1, 3, 4.

D. 2, 3, 4.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (2 điểm)**

**Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1.** Chủ một trang trại chăn nuôi gà phát hiện trong trang trại mình có một số con gà có dấu hiệu của bệnh cúm, chủ trang trại quyết định làm một số việc sau:

a. Đem bán các con gà trong trang chưa phát hiện dấu hiệu bệnh.

b. Tiến hành vệ sinh, khủ trùng, tiêu độc chuồng nuôi.

c. Tiêm vaccine cho các con gà đang có dấu hiệu bệnh.

d. Báo cáo cơ quan thú y địa phương.

**Câu 2.** Dưới đây là một số yêu cầu trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP:

a. Chuồng trại chăn nuôi được xây dựng cách xa khu dân cư tối thiểu 50 mét.

b. Con giống phải có nguồn gốc rõ ràng, được tiêm vaccine đầy đủ theo quy định.

c. Phải có kế hoạch phòng trừ dịch bệnh cho vật nuôi.

d. Chất thải chăn nuôi phải được thu gom xử lí hàng tháng.

**PHẦN III. Câu hỏi tự luận. (3 điểm)**

**Câu 1. (2 điểm)** Với quy mô chăn nuôi 8 con bò thịt, em sẽ chọn kiểu chuồng nào? Kiểu chuồng được chọn có nền chuồng, tường chuồng và mái chuồng được thiết kế như thế nào?

**Câu 2. (1 điểm)** Hãy đề xuất 4 phương pháp chế biến thịt lợn tại nhà.

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**PHẦN I.**

Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm

**PHẦN II.**

Điểm cho mỗi câu hỏi là 1 điểm

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 1 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 1 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 1 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm

- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 4 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **a) Sai** | **b) Đúng** | **c) Sai** | **d) Đúng** |
| **Câu 2** | **a) Sai** | **b) Đúng** | **c) Đúng** | **d) Sai** |

**PHẦN III.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| 1 | \* Kiểu chuồng: chuồng hở  \* Thiết kế:  - Nền chuồng: cao hơn mặt đất (khoảng 50cm), làm bằng bê tông dày, chắc chắn. Mặt nền phẳng, không đọng nước, không trơn trượt và dốc về phía hố phân. Nên chia chuồng ra các ô để nuôi các nhóm bò khác nhau.  - Tường chuồng: xây chắc chắn, trơn nhẵn để tránh gây xây xước cho vật nuôi. Tường cao khoảng 80 cm, phía trên có bạt cơ động để chắn gió lùa, mưa hắt khi cần thiết.  - Mái chuồng: đảm bảo độ cao để tạo sự thoáng khí và lấy ánh sáng tự nhiên. Nên làm chuồng mái hở. | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
| 2 | \* Các phương pháp chế biến thịt tại nhà:  + Hầm  + Kho  + Chiên  + Nướng | 0,25  0,25  0,25  0,25 |

**ĐỀ PHỤ**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn. (5 điểm)**

**Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 1 phương án.**

**Câu 1.** Phát biểu nào dưới đây **không** **đúng** khi nói về bệnh ở chăn nuôi?

A. Bệnh là trạng thái bình thường của vật nuôi.

B. Khi vật nuôi bị bệnh thường có các biểu hiện: buồn bã, chậm chặp, chán ăn,…

C. Bệnh ảnh hưởng đến sự sinh trưởng, phát triển của vật nuôi, bệnh nặng có thể gây chết.

D. Nguyên nhân gây bệnh do di truyền, rối loạn trao đổi chất hoặc do vi sinh vật gây bệnh, tác động của điều kiện sống,…

**Câu 2.** Bệnh ở vật nuôi sẽ gây thiệt hại kinh tế cho người chăn nuôi bởi những nguyên nhân nào dưới đây?

1- Bệnh làm cho vật nuôi chậm lớn, làm giảm sản lượng sản phẩm chăn nuôi.

2- Tiêu tốn chi phí chữa bệnh cho vật nuôi, khử trùng chuồng trại.

3- Bệnh ở vật nuôi khi xảy ra sẽ gây chết toàn bộ đàn vật nuôi.

4- Bệnh làm giảm chất lượng sản phẩm chăn nuôi, bán với giá cao.

A. 1, 2.

B. 2, 3.

C. 3, 4.

D. 1, 4.

**Câu 3.** Tại sao phòng, trị bệnh cho vật nuôi góp phần bảo vệ sức khỏe con người?

A. Bệnh ở vật nuôi có thể lan truyền sang người nhưng không gây nguy hiểm cho người.

B. Bệnh ở vật nuôikhông thể lây truyền sang người.

C. Bệnh ở vật nuôikhông gây bệnh ở người.

D. Bệnh ở vật nuôicó thể lan truyền sang người và gây tử vong.

**Câu 4.** Ở lợn thường mắc những bệnh nào?

A. Bệnh Newcastle, bệnh cúm, bệnh tụ huyết trùng.

B. Bệnh Newcastle, bệnh cúm, tai xanh.

C. Bệnh dịch tả, bệnh tụ huyết trùng, tai xanh.

D. Bệnh Newcastle, bệnh tụ huyết trùng, tai xanh.

**Câu 5.** Có bao nhiêu điểm giống nhau giữa bệnh Newcastle với bệnh cúm ở gia cầm là gì?

1- Bệnh truyền nhiễm cấp tính.

2- Lây lan nhanh, tỉ lệ chết cao.

3- Xảy ra ở mọi lứa tuổi.

4- Tác nhân gây bệnh.

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

**Câu 6.** Trong các biện pháp dưới đây, có bao nhiêu biện pháp là trị bệnh tụ huyết trùng ở lợn?

(1) Cho lợn sử dụng các chế phẩm có tác dụng tăng sức đề kháng.

(2) Giữ chuồng trại khô thoáng, lưu thông không khí.

(3) Thực hiện biện pháp chăn nuôi cùng vào - cùng ra.

(4) Sử dụng kháng sinh kết hợp với thuốc trị triệu chứng.

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

**Câu 7.** Kỹ thuật PCR - điện di PCR dùng trong chăn nuôi nhằm mục đích gì?

A. Phòng bệnh cho vật nuôi.

B. Trị bệnh cho vật nuôi.

C. Phòng và trị bệnh cho vật nuôi.

D. Phát hiện bệnh sớm.

**Câu 8.** Phát biểu nào dưới đây **đúng** khi nói về ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine DNA tái tổ hợp trong để phòng bệnh cho vật nuôi?

A. Tiết kiệm chi phí chăn nuôi.

B. Phòng bệnh cho vật nuôi một cách không an toàn.

C. Không đáp ứng đủ vacccine cho vật nuôi.

D. Trị bệnh cho vật nuôi một cách hiệu quả.

**Câu 9.** “nhà ở” của vật nuôi và là nơi tạo ra tiểu khí hậu để vật nuôi sống và sản xuất được gọi là

A. Chuồng nuôi.

B. Rừng.

C. Ao nuôi.

D. Hang động.

**Câu 10.** Phát biểu nào dưới đây **đúng** khi nói về các yêu cầu chung về chuồng nuôi?

A. Chuồng nuôi xây dựng theo hướng bắc hoặc đông nam để đón gió mát và ánh nắng mặt trời buổi sáng.

B. Chuồng nuôi được xây dựng xa khu dân cư, xa đường giao thông để tiện cho việc quản lí.

C. Chuồng nuôi xây dựng có độ dốc lớn để dễ thoát nước.

D. Chuồng nuôi cần được thiết kế phù hợp với đặc điểm sinh lí vật nuôi giúp thuận lợi cho việc chăm sóc, quản lí và nuôi dưỡng.

**Câu 11.** Thức ăn cho gà đẻ trứng phải đầy đầy đủ dinh dưỡng, trong đó

A. chỉ cần đảm bảo đủ hàm lượng calcium.

B. chỉ cần đảm bảo hàm đủ hàm lượng protein.

C. cần đảm bảo đủ hàm lượng protein hoặc đủ hàm lượng calcium.

D. phải đảm bảo đủ hàm lượng protein và đủ hàm lượng calcium.

**Câu 12.** Quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc gà đẻ trứng gồm các bước theo trình tự:

(1) Cho ăn.

(2) Chuẩn bị chuồng nuôi.

(3) Chăm sóc.

(4) Thu hoạch trứng.

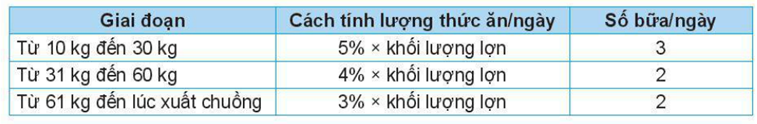
A. (2) 🡪 (1) 🡪 (3) 🡪 (4).

B. (2) 🡪 (1) 🡪 (3) 🡪 (4).

C. (2) 🡪 (1) 🡪 (3) 🡪 (4).

D. (2) 🡪 (1) 🡪 (3) 🡪 (4).

**Câu 13.** Bảng bên dưới thể hiện cách tính lượng thức ăn cho lợn thịt căn cứ vào khối lượng vật nuôi. Phát biểu nào dưới đây đúng?



A. Lợn 20kg cho ăn 2 bữa/ngày.

B. Lợn 60kg cho ăn 1,8 kg thức ăn trong 1 bữa.

C. Lợn trên 60kg cho ăn 2 bữa/ngày.

D. Lợn 26kg cho ăn 3kg thức ăn trong 1 ngày.

**Câu 14.** Chăn nuôi kết hợp nhiều công nghệ hiện đại, tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi, giải phóng sức lao động cho người chăn nuôi và giảm thiểu tác động đến môi trường là mô hình chăn nuôi

A. công nghệ cao.

B. chăn nuôi VietGAP

C. chăn nuôi thông thường.

D. chăn nuôi hữu cơ.

**Câu 15.** Vai trò bảo quản sản phẩm chăn nuôi là

A. giảm hiệu quả sử dụng sản phẩm.

B. tăng khả năng xuất khẩu, mở rộng thị trường.

C. giảm năng lực cho ngành chế biến.

D. tăng giá cả khi thị trường thiếu hụt.

**Câu 16.** Dưới đây là các bước tiến hành trong quy trình chế biến thịt hộp:

(1) Cho nguyên liệu đã chín vào hộp, bài khí, ghép mí.

(2) Làm sạch, tách da, bỏ xương, làm nhỏ; bổ sung phụ gia và gia vị.

(3) Hạ nhiệt độ xuống khoảng 18 – 20oC, dán nhãn, đóng thùng và bảo quản.

(4) Xử lí hộp bằng nhiệt độ khoảng 100 - 121oC trong khoảng 15 phút.

(5) Làm chín nguyên liệu bằng các biện pháp phù hợp.

Trình tự đúng các bước là

A. (1) 🡪 (2) 🡪 (3) 🡪 (4) 🡪 (5).

B. (1) 🡪 (2) 🡪 (5) 🡪 (4) 🡪 (3).

C. (2) 🡪 (5) 🡪 (1) 🡪 (4) 🡪 (3).

D. (2) 🡪 (5) 🡪 (3) 🡪 (4) 🡪 (1).

**Câu 17.** Trong quy trình tiệt trùng sữa tươi, khoảng nhiệt độ và thời gian phù hợp để tiến hành là bao nhiêu?

A. Nhiệt độ từ 70 🡪 75oC, thời gian 15 🡪 20 giây.

B. Nhiệt độ từ 125 🡪 140oC, thời gian 3 🡪 20 giây.

C. Nhiệt độ từ 70 🡪 75oC, thời gian 3 🡪 20 giây.

D. Nhiệt độ từ 125 🡪 140oC, thời gian 15 🡪 20 giây.

**Câu 18.** Dưới đây là các công nghệ giúp bảo vệ môi trường trong chăn nuôi, công nghệ nào không phải ứng dụng công nghệ sinh học?

(1) Công nghệ biogas xử lí chất thải chăn nuôi.

(2) Công nghệ đệm lót sinh học.

(3) Công nghệ thu gom chất thải tự động.

(4) Công nghệ chăn nuôi chuồng lạnh.

A. 1, 2.

B. 2, 3.

C. 3, 4.

D. 1, 4.

**Câu 19.** Phát biểu nào dưới đây **đúng** khi nói về vấn đề ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi?

A. Chất thải chăn nuôi và xác vật nuôi chứa các sinh vật gây hại, ion kim loại nặng và chất độc gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người và vật nuôi.

B. Chất thải chăn nuôi và xác vật nuôi không sinh ra các khí độc gây hiệu ứng nhà kính.

C. Chất thải chăn nuôi và xác vật nuôi không gây ô nhiễm môi trường, làm chết nhiều sịnh vật, gây mất cân bằng sinh thái.

D. Chất thải chăn nuôi và xác vật nuôi gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, là điều kiện thuận lợi cho các vi sinh vật có lợi phát triển.

**Câu 20.** Biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi là

1- Xây dựng chuồng trại xa khu dân cư.

2- Chuồng trại có hàng rào ngăn cách với bên ngoài.

3- Xây dựng hệ thống xử lí chất thải chung với chuồng nuôi.

4- Chăn nuôi với mật độ phù hợp.

A. 1, 2, 3.

B. 1, 2, 4.

C. 1, 3, 4.

D. 2, 3, 4.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (2 điểm)**

**Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1.** Chủ một trang trại chăn nuôi lợn phát hiện một vài con trong trang trại có biểu hiện ho, sốt cao, tai chuyển sang màu xanh tím,... Chủ trang trại đưa ra kết luận và thực hiện một số biện pháp sau:

a. Đây là bệnh lợn tai xanh.

b. Tiến hành vệ sinh, khủ trùng, tiêu độc chuồng nuôi.

c. Tiêm vaccine cho các con lợn đang có dấu hiệu bệnh.

d. Báo cáo cơ quan thú y địa phương.

**Câu 2.** Dưới đây là một số yêu cầu trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP:

a. Chuồng trại chăn nuôi được xây dựng cách xa khu dân cư tối thiểu 100 mét.

b. Kho thức ăn, kho thuốc thú y, kho vật tư chăn nuôi có thể dùng chung.

c. Phải có kế hoạch phòng trừ dịch bệnh cho vật nuôi.

d. Trang trại phải có sổ ghi chép, theo dõi và lưu trữ các thông tin trong quá trình chăn nuôi trong thời gian ít nhất 6 tháng.

**PHẦN III. Câu hỏi tự luận. (3 điểm)**

**Câu 1. (2 điểm)** Kiểu chuồng nào phù hợp với chăn nuôi gà quy mô hộ gia đình? Kiểu chuồng đó có nền chuồng, tường chuồng và mái chuồng được thiết kế như thế nào?

**Câu 2. (1 điểm)** Hãy đề xuất 4 phương pháp bảo quản thịt lợn tại nhà.

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**PHẦN I.**

Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm

**PHẦN II.**

Điểm cho mỗi câu hỏi là 1 điểm

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 1 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 1 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 1 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm

- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 4 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **a) Đúng** | **b) Đúng** | **c) Sai** | **d) Đúng** |
| **Câu 2** | **a) Đúng** | **b) Sai** | **c) Đúng** | **d) Sai** |

**PHẦN III.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| 1 | \* Kiểu chuồng: chuồng hở  \* Thiết kế:  - Nền chuồng: xây cao hơn mặt đất xung quanh (khoảng 50cm) để thoát nước; làm bằng bê tông, láng xi măng trơn nhẵn để dễ vệ sinh, khử khuẩn; chia thành từng ô nuôi các nhóm gà khác nhau; trải lớp lót dày khoảng 20-30cm  - Tường chuồng: xây cao khoảng 50cm, phía trên có lưới B40 hoặc bằng song tre, gỗ để đảm bảo thông thoáng và an toàn cho vật nuôi; phía ngoài có bạt để che gió lùa, mưa hắt khi cần thiết.  - Mái chuồng: kiểu 4 mái, đủ độ cao để đảm bảo ánh sáng, thông thoáng chuồng nuôi. | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
| 2 | \* Các phương pháp bảo quản thịt tại nhà:  + Bảo quản lạnh  + Bảo quản lạnh đông  + Bảo quản ướp muối  + Bảo quản hun khói | 0,25  0,25  0,25  0,25 |